

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 10 năm 2019

*V/v "Tranh chấp chia tài sản chung
sau ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Xuân Phi
2. Ông Nguyễn Duy Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 251/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều K, sinh năm 1974. Địa chỉ: đường Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1967. Địa chỉ: đường Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1974 và bà Bùi Thị Ánh Ng, sinh năm 1986. Cùng trú tại: Bắc Đầu, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 18 tháng 4 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/5/2019, nội dung tại các biên bản hòa giải, bản tự***

khai và trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kiều K thể hiện:

Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 126/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thì tôi (Nguyễn Thị Kiều K) và ông Nguyễn Vĩnh T thỏa thuận như sau: Về quan hệ hôn nhân: chúng tôi thuận tình ly hôn; về quan hệ con chung: chúng tôi thỏa thuận giao con chung Nguyễn Vĩnh H H cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Vĩnh H H cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân tôi (Nguyễn Thị Kiều K) và ông Nguyễn Vĩnh T tạo lập được 01 ngôi nhà và đất tại đường Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 214830 do UBND quận Thanh Khê cấp cho ông Trần Văn Tương và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan ngày 23/9/2009 và ngày 10/12/2009 đã được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Thanh Khê xác nhận ông Nguyễn Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Kiều K nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo HĐ số: 2328 ngày 18/11/2009 tại Văn phòng Công chứng Bảo Nguyệt, TPĐN.

Sau khi ly hôn, tôi (Nguyễn Thị Kiều K) và ông Nguyễn Vĩnh T không tự thỏa thuận được việc chia tài sản chung. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của chúng tôi là nhà và đất tại đường Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, theo đơn khởi kiện bổ sung thì tôi yêu cầu Tòa án chia tài sản chung theo tỷ lệ 7/3, tôi (Nguyễn Thị Kiều K) được nhận 7 phần và sở hữu tài sản này đồng thời tôi sẽ thối trả phần chênh lệch cho ông T.

Tại phiên tòa hôm nay tôi thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu, cụ thể: Yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của chúng tôi là nhà và đất tại đường Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, theo tỷ lệ 5/5, tôi (Nguyễn Thị Kiều K) được sở hữu tài sản này đồng thời tôi (Nguyễn Thị Kiều K) sẽ thối trả phần chênh lệch cho ông Nguyễn Vĩnh T.

Tôi đồng ý với kết quả tại Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE theo Chứng thư thẩm định giá số 5190183/CT-BTCVALUEDN ngày 31/7/2019.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tôi (Nguyễn Thị Kiều K) khẳng định không có nợ vợ chồng ông Nguyễn Vĩnh T và bà Bùi Thị Ánh T số tiền 5000 USD (năm ngàn đô la mỹ). Việc ông Nguyễn Vĩnh T cho rằng tôi và ông T nợ vợ chồng ông T, bà N là không đúng, nếu ông T

cho rằng có nợ ông T, bà N số tiền 5000 USD (Năm ngàn đô la Mỹ) thì đây là nợ riêng của ông T và tôi không có nghĩa vụ phải trả số tiền trên.

**** Theo đơn nội dung tại các biên bản hòa giải, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa hôm nay, bị đơn - ông Nguyễn Vĩnh T thể hiện:***

Tôi (Nguyễn Vĩnh T) thống nhất một phần trình bày của bà Nguyễn Thị Kiều K cụ thể: Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 126/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thì tôi (Nguyễn Vĩnh T) và bà Nguyễn Thị Kiều K thỏa thuận như sau: Về quan hệ hôn nhân: chúng tôi thuận tình ly hôn; về quan hệ con chung: chúng tôi thỏa thuận giao con chung Nguyễn Vĩnh H H cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Vĩnh H H cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân tôi (Nguyễn Vĩnh T) và bà Nguyễn Thị Kiều K tạo lập được 01 ngôi nhà và đất tại đường Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 214830 do UBND quận Thanh Khê cấp cho ông Trần Văn Tương và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan ngày 23/9/2009 và ngày 10/12/2009 đã được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Thanh Khê xác nhận ông Nguyễn Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Kiều K nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo HĐ số: 2328 ngày 18/11/2009 tại Văn phòng Công chứng Bảo Nguyệt, TPĐN.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của chúng tôi là nhà và đất tại đường Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, cụ thể chia theo tỷ lệ 5/5, tôi (Nguyễn Vĩnh Th) được sở hữu tài sản nói trên và sẽ thôi trả phần chênh lệch giá trị tài sản cho bà K.

Tôi đồng ý với kết quả tại Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE theo Chứng thư thẩm định giá số 5190183/CT-BTCVALUEDN ngày 31/7/2019.

Đối với yêu cầu của người có yêu cầu độc lập: Tôi khẳng định trong thời kỳ hôn nhân tôi và bà Nguyễn Thị Kiều K có mượn của vợ chồng em trai tôi là Nguyễn Vĩnh T, Bùi Thị Ánh N số tiền 5000 USD (năm ngàn đô la Mỹ) để mua nhà đất hiện tại, do là anh em trong gia đình nên chúng tôi không có viết giấy nợ, tuy nhiên việc vay mượn này là có thật. Nay tôi yêu cầu bà K phải có trách nhiệm cùng tôi trả lại số tiền này cho vợ chồng em trai tôi là Nguyễn Vĩnh T, Bùi Thị Ánh N.

**** Theo đơn nội dung đơn yêu cầu độc lập, nội dung biên bản hòa giải, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Vĩnh T, bà Bùi Thị Ánh N thể hiện:***

Năm 2009, khi đang còn là vợ chồng thì anh Nguyễn Vĩnh T và chị Nguyễn Thị Kiều K có nhu cầu mượn tiền để mua nhà nên vợ chồng chúng tôi có cho anh T, chị K mượn số tiền 5.000 USD tương đương tiền Việt là 115.745.000 đồng (một trăm mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Vì là anh em trong gia đình nên khi cho mượn chúng tôi không yêu cầu viết giấy tờ vay và chúng tôi không nói ngày trả, khi nào anh chị có điều kiện thì trả lại số tiền trên cho vợ chồng tôi. Nay anh T, chị K chia tài sản chung sau ly hôn thì vợ chồng chúng tôi yêu cầu anh T, chị K phải trả lại số tiền đã mượn này, không yêu cầu tiền lãi.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo theo các Điều 171, 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:
- + Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;
- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:
- + Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- + Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị Kiều K khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Vĩnh T cũng như tài sản đang tranh chấp tại địa chỉ Trần Cao Vân phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng . Căn cứ Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Về nội dung vụ án

[2] Trong thời kỳ hôn nhân bà Nguyễn Thị Kiều K và ông Nguyễn Vĩnh T tạo lập được 01 ngôi nhà và đất tại đường Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 214830 do UBND quận Thanh Khê cấp cho ông Trần Văn Tương và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan ngày 23/9/2009 và ngày 10/12/2009 đã được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Thanh Khê xác nhận ông Nguyễn Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Kiều K nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo HĐ số: 2328 ngày 18/11/2009 tại Văn phòng Công chứng Bảo Nguyệt, TPĐN.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Kiều K và ông Nguyễn Vĩnh T không tự thỏa thuận được việc chia tài sản chung. Nay bà K yêu cầu Tòa án giải quyết và cả hai ông bà đều có nguyện vọng nhận tài sản và thôi trả 50% giá trị tài sản cho bên kia, đây là nguyện vọng chính đáng của các bên. Tuy nhiên, tài sản chung là thửa đất số 106, tờ bản đồ số 10, diện tích 38,6m²; diện tích xây dựng 38,6m², diện tích sử dụng 60,2m² nên không thể chia bằng hiện vật được mà phải chia bằng hình thức giao cho một bên sở hữu và sử dụng tài sản và một bên nhận giá trị tài sản do bên nhận tài sản thôi trả bằng tiền là đúng pháp luật.

[3] Xét thấy tài sản chung yêu cầu Tòa án giải quyết là nhà và đất tại 159/7 Trần Cao Vân, thành phố Đà Nẵng có giá trị theo chứng thư thẩm định giá ngày 31/7/2019 của công ty thẩm định giá BTCVALUE có giá 1.505.735.825 đồng (trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 1.448.938.545 đồng; giá trị xây dựng 56.797.280 đồng) là lớn. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên, bắt buộc bên nhận tài sản phải có tiềm lực về kinh tế thì mới có điều kiện để thôi trả cho bên không nhận tài sản. Tại phiên tòa, bà K đã cung cấp 01 sổ tiết kiệm đứng tên bà Nguyễn Thị Kiều K với số tiền gửi tiết kiệm hơn 800.000.000 đồng điều này thể hiện khả năng thực hiện nghĩa vụ thôi trả tiền của bà K đối với ông T là khả thi hơn khi giao cho bà K sở hữu và sử dụng tài sản. Bên cạnh đó bà Nguyễn Thị Kiều K hiện là phụ nữ đơn thân một mình nuôi con, không có bà con thân thích ở Đà Nẵng, nhu cầu về chỗ ở hiện tại là cấp thiết. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao tài sản là nhà và đất tại Trần Cao Vân, thành phố Đà Nẵng cho bà Nguyễn Thị Kiều K quản lý sở hữu là phù hợp với chính sách bảo vệ người phụ nữ cũng như có căn cứ pháp luật.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 31/7/2019 của công ty thẩm định giá BTCVALUE thì nhà và đất tại K159/7 đường Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng có giá 1.505.735.825 đồng, chia

theo tỷ lệ 50 -50. Tài sản chung được giao cho bà K sở hữu quản lý, do vậy bà K có nghĩa vụ trả cho ông T 50% giá trị tài sản là 752.867.912 đồng (bảy trăm năm mươi hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm mười hai đồng).

Bà Nguyễn Thị Kiều K được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu riêng với tài sản đối với nhà và đất tại 159/7 Trần Cao Vân, thành phố Đà Nẵng (*theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 214830 do UBND quận Thanh Khê cấp cho ông Trần Văn Tương và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan ngày 23/9/2009 và ngày 10/12/2009 đã được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Thanh Khê xác nhận ông Nguyễn Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Kiều K nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo HĐ số: 2328 ngày 18/11/2009 tại Văn phòng Công chứng Bảo Nguyệt, TPĐN*).

[4] Chi phí định giá tài sản: Chi phí định giá tài sản là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), bà Nguyễn Thị Kiều K và ông Nguyễn Vĩnh T mỗi người phải chịu 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bà K đã nộp tạm ứng 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), do vậy ông T phải thôi trả cho bà K số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

[5] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như trình bày tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan là vợ chồng ông T, bà N cho rằng vào năm 2009 có cho ông T và bà K mượn số tiền 5.000 Đô la Mỹ (*theo tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ ngày 29/10/2019 do Ngân hàng Nhà nước công bố 01 đô la Mỹ = 23.149 VND, như vậy 5000 Đô la Mỹ = 115.745.000 đồng*) để mua nhà đất tại Trần Cao Vân, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, ông T và bà N không đưa ra được chứng cứ để chứng minh có việc ông T, bà K mượn của ông bà số tiền 5000 USD, mà chỉ dựa trên lời khai thừa nhận của ông T.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều K khẳng định không có nợ ông T, bà N, nếu ông T cho rằng có nợ ông T, bà N số tiền 5000 USD (tương đương 115.745.000 đồng) thì đây là nợ riêng của ông T và bà K không có nghĩa vụ phải trả số tiền trên.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông Nguyễn Vĩnh T và bà Bùi Thị Ánh N yêu cầu ông Nguyễn Vĩnh T, bà Nguyễn thị Kiều K phải trả khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân với số tiền 5000 USD (tương đương 115.745.000 đồng), là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bà Nguyễn Thị Kiều K và ông Nguyễn Vĩnh T mỗi người phải chịu án phí DSST đối với giá trị tài sản được nhận là 752.867.912 đồng. Cụ thể $20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 352.867.912 \text{ đồng}) = 34.114.716 \text{ đồng}$.

- Ông Nguyễn Vĩnh T và bà Bùi Thị Ánh T phải chịu án phí DSST đối với yêu cầu không được chấp nhận, cụ thể: 5000 USD tương đương 115.745.00 đồng $\times 5\% = 5.787.250 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 219 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều K đối với ông Nguyễn Vĩnh T.

1. Xác định khối tài sản chung chưa chia của bà Nguyễn Thị Kiều K và ông Nguyễn Vĩnh T là 01 ngôi nhà và đất tại Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (*theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 214830 do UBND quận Thanh Khê cấp cho ông Trần Văn Tương và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan ngày 23/9/2009 và ngày 10/12/2009 đã được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Thanh Khê xác nhận ông Nguyễn Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Kiều K nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo HĐ số: 2328 ngày 18/11/2009 tại Văn phòng Công chứng Bảo Nguyệt, TPĐN*).

2. Giao cho bà Nguyễn Thị Kiều K quản lý sở hữu nhà và đất tại Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, cụ thể: Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 10, diện tích: 38,6m²; diện tích xây dựng 38,6m², diện tích sử dụng 60,2m², kết cấu nhà: mái ngói, sàn gỗ, tường xây, nền gạch hoa, số tầng: một + gác lửng (*theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 214830 do UBND quận Thanh Khê cấp cho ông Trần Văn Tương và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan ngày 23/9/2009 và ngày 10/12/2009 đã được văn phòng đăng ký*

quyền sử dụng đất quận Thanh Khê xác nhận ông Nguyễn Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Kiều K nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo HĐ số: 2328 ngày 18/11/2009 tại Văn phòng Công chứng Bảo Nguyệt, TPĐN).

Bà Nguyễn Thị Kiều K có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký quyền sở hữu riêng đối với tài sản được nhận là nhà và đất tại Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Bà Nguyễn Thị Kiều K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Vĩnh T số tiền 752.867.912 đồng (bảy trăm năm mươi hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm mười hai đồng).

4. Ông Nguyễn Vĩnh T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kiều K số tiền chi phí định giá tài sản 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

II. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Vĩnh T, bà Bùi Thị Ánh N đòi yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Kiều K và ông Nguyễn Vĩnh T trả số tiền 5000 USD tương đương 115.745.000 đồng (theo tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ ngày 29/10/2019 do Ngân hàng Nhà nước công bố 01 đô la Mỹ = 23.149 VND).

III. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kiều K phải chịu án phí DSST: 34.114.716 đồng (*ba mươi bốn triệu một trăm mười bốn nghìn bảy trăm mười sáu đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) mà bà K đã nộp theo biên lai thu số 0004792 ngày 04/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng. Như vậy bà K còn phải nộp thêm số tiền là 27.114.716 đồng (*hai mươi bảy triệu một trăm mười bốn nghìn bảy trăm mười sáu đồng*).

- Ông Nguyễn Vĩnh T phải chịu án phí DSST: 34.114.716 đồng (*ba mươi bốn triệu một trăm mười bốn nghìn bảy trăm mười sáu đồng*).

- Ông Nguyễn Vĩnh T và bà Bùi Thị Ánh T phải chịu án phí DSST: 5.787.250 đồng (năm triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.875.000 đồng mà ông Thanh, bà nguyệt đã nộp theo biên lai thu số 005126 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê ngày 12/9/2019. Như vậy ông T, bà N còn phải nộp thêm 2.912.250 đồng (hai triệu chín trăm mười hai nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

IV. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Khánh

